

# ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC- CÔNG NGHỆ NHẪM ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÁC DNNVV VIỆT NAM

Nguyễn Văn Phúc\*

Ngày nhận bài: 05/09/2021

Ngày nhận bài sửa: 02/01/2022

Ngày duyệt đăng: 06/03/2022

**Tóm tắt:** Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh mới của quá trình công nghiệp hóa và khi cuộc cách mạng khoa học- công nghệ tiếp tục diễn ra với tốc độ nhanh chóng chưa từng thấy trên phạm vi toàn cầu, chi phối toàn bộ sự phát triển kinh tế- xã hội, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam phải dành nhiều nỗ lực hơn nữa để đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh của mình và hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, có hiệu quả hơn. Đó là con đường để đảm bảo sự phát triển bền vững của họ. Trong quá trình này, Nhà nước cần hỗ trợ bằng cách tạo ra môi trường thân thiện cho các hoạt động đổi mới, sáng tạo, đồng thời có sự hỗ trợ trực tiếp nhất định cho những hoạt động này.

**Từ khóa:** Tiến bộ khoa học- công nghệ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, cách mạng công nghiệp

## APPLICATION OF SCIENTIFIC-TECHNOLOGY PROGRESSION TO GUARANTEE THE SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF SMEs VIETNAM

**Abstract:** Small and medium-sized enterprises play a very important position in the Vietnamese economy. In the new context of industrialization and as the scientific and technological revolution continues to take place at an unprecedentedly rapid pace on a global scale, dominating the entire socio-economic development, Vietnamese small and medium enterprises must spend more efforts to accelerate the application of scientific and technological advances, improve technological capacity to improve their competitiveness and integrate internationally far more effectively. It is the way to ensure their sustainable development. In this process, the State needs to support by creating a friendly environment for innovative and creative activities, and at the same time have certain direct support for these activities.

**Keywords:** Science and technology progress, small and medium enterprises, industrial revolution

Doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của tất cả các quốc gia, kể cả ở Việt Nam. Trong những năm qua, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam đã có sự phát triển đáng kể và có đóng góp lớn cho sự tăng trưởng kinh tế. Từ năm 2000 tới 2019, bình quân hàng năm, số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế tăng 16,14%, trong đó năm 2008 tăng cao nhất (32,07%), sau đó là năm 2018, tăng 27,39%

(xem hình 1). Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tổng số doanh nghiệp toàn quốc (theo phân loại của Việt Nam) dao động từ 95-97%%. Một số nghiên cứu cho rằng tỷ lệ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tổng số các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay còn cao hơn nữa.

Mặc dù các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam đã có sự phát triển quan trọng, có những thành tựu to lớn, nhưng cũng có nhiều nhược

\* PGS, TS. Trường Đại học Trung Ương

điểm rất cơ bản, không chỉ hạn chế sự phát triển và việc phát huy tác động của nó, mà còn đe dọa sự phát triển của khu vực này trong những năm tới. Những hạn chế có ý nghĩa quan trọng nhất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam hiện nay là:

- Nội lực của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam hạn chế và các hoạt động tăng cường nội lực của chúng chưa đem lại kết quả và hiệu quả mong muốn. Theo số liệu của VCCI, năm 2015, dù quy mô vốn bình quân của một doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam tăng tới 9,9% so với năm trước liền kề (2014), nhưng cũng chỉ ở mức 6,3 tỷ đồng. Trong khi số lượng doanh nghiệp tăng nhanh hơn rất nhiều so với tốc độ tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, quy mô của các doanh nghiệp khó có thể tăng đáng kể là kết quả tất yếu. Hơn nữa, tình trạng tách đôi các doanh nghiệp vốn đã nhỏ thành nhiều doanh nghiệp nhỏ hơn làm quá trình tích tụ từ các doanh nghiệp tiếp tục bị chậm lại. Hậu quả là các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam “chậm lớn” hơn so với khả năng và nhu cầu nâng cao năng lực của các doanh nghiệp. Điều này gây khó khăn cho việc đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

- Mức độ tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như tỷ lệ đóng góp vào chuỗi giá trị toàn cầu thấp và chậm được cải thiện. Nhìn tổng thể, các doanh nghiệp Việt Nam hiện nằm ở khoảng giữa (“trung nguồn”) của chuỗi giá trị toàn cầu nói chung, tức là đảm nhận các giai đoạn gia công chế biến là chính. Đặc điểm của các giai đoạn này là thâm dụng lao động và giá trị gia tăng thấp, hoạt động theo mô hình “nhập khẩu để gia công rồi xuất khẩu” nhưng không chủ động được nguyên liệu/ thiết kế mà cũng không trực tiếp tiếp cận được với người tiêu dùng sản phẩm/ dịch vụ. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy mức độ hạn chế của việc các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu (năm 2018):

- Tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm công nghiệp của Việt Nam chỉ đạt khoảng 33%;
- Khu vực FDI phải nhập tới 47,1% đầu vào từ công ty mẹ;

- Chỉ có khoảng 21% các doanh nghiệp nhỏ và vừa có liên kết sản xuất với chuỗi cung ứng nước ngoài;

- Trong số các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, 64% cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho các doanh nghiệp trong nước nhưng chỉ có 15% bán hàng hoá, dịch vụ cho doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; 8,4% xuất khẩu sản phẩm trực tiếp và 7,4% xuất khẩu gián tiếp thông qua doanh nghiệp mua hàng bên thứ 3;

- Phần lớn các doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại Việt Nam chưa hài lòng về chất lượng và năng lực của các nhà cung cấp nội địa, trong đó gần 60% cho rằng khó hoặc rất khó đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ nội địa hoá do gặp phải các vấn đề về chất lượng và năng lực của các doanh nghiệp trong nước.

Việc tham gia không sâu và không nhiều vào các chuỗi cung ứng toàn cầu vừa làm mất cơ hội, vừa không bị ép (mất đi một động lực từ bên ngoài) đối với việc đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

- Trình độ công nghệ thấp, việc đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ diễn ra một cách chậm chạp và hiệu quả ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ thấp hơn mong đợi. Một nghiên cứu của VCCI (thực hiện năm 2016 tại 10 ngành) cho thấy có tới hơn 60% số doanh nghiệp được khảo sát sử dụng các công nghệ có tuổi đời trên 6 năm; khoảng 65% doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiếp nhận từ các nước đang phát triển. Trong giai đoạn doanh nghiệp mới bắt đầu hoạt động, chỉ có 4,8% trong số các sản phẩm, 4,4% trong số các công nghệ được sử dụng được coi là mới, nhưng khikinh doanh đã đi vào hoạt động ổn định, các chỉ số này lại giảm đi, lần lượt chỉ còn dao động từ 0,5- 2,8%. Trong khi đó, nguồn lực của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ rất thấp so với nhu cầu cũng như so với các nước trong khu vực. Theo số liệu của Bộ Khoa học và công nghệ, chỉ tiêu cho nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ của các doanh nghiệp Việt



Nam hiện chỉ tương đương với 0,2- 0,3% doanh thu của họ<sup>7</sup>.

Về phía cung, năng lực của các cơ sở nghiên cứu và chuyển giao công nghệ ở Việt Nam hiện cũng khá hạn chế. Theo số liệu của Bộ Khoa học và công nghệ, tới 2019, “cả nước có 386 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 43 tổ chức được cấp giấy chứng nhận hoạt động công nghệ cao và hơn 2000 doanh nghiệp đạt điều kiện doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin”.

Theo số liệu khảo sát được thực hiện năm 2017, các doanh nghiệp khoa học- công nghệ tạo việc làm cho 22.738 người, nhưng chỉ tạo ra 10.349,6 tỷ đồng doanh thu từ các hoạt động khoa học- công nghệ; tức là tạo ra doanh thu hơn 455 triệu đồng/ người. năm<sup>8</sup>. Số tiền làm lợi từ các dịch vụ khoa học- công nghệ này không được thống kê. Tuy nhiên, chính việc các doanh nghiệp ít quan tâm tiếp nhận chuyển giao tiến bộ khoa học- công nghệ và kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học chỉ được đưa vào lưu trữ là một minh chứng rõ rệt và thuyết phục nhất về sự kém hiệu quả của các hoạt động này.

- Trình độ chuyên môn hóa của các doanh nghiệp thấp, sự hợp tác giữa các doanh nghiệp còn hạn chế và tính khép kín trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khiến các doanh nghiệp riêng lẻ khó có thể tận dụng nguồn lực từ ngoài và lợi dụng lợi thế từ việc hợp lý hóa tổ chức sản xuất để nhanh chóng nâng cao năng lực của mình. Cũng theo khảo sát của VCCI, có tới gần 85% doanh nghiệp tự triển khai các hoạt động nghiên cứu- phát triển để đổi mới sản phẩm, trong khi chỉ có gần 14% số doanh nghiệp tận dụng kết quả nghiên cứu từ các cơ sở bên ngoài, trong đó chỉ có khoảng gần 1% số doanh nghiệp trong mẫu khảo sát tiếp nhận kết quả nghiên cứu từ các đơn vị nghiên cứu- phát triển chuyên nghiệp. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp chuyển hướng khá nhiều từ ngành này sang ngành khác khá thường xuyên và nhanh

chóng, không chuyên chú đầu tư lâu dài vào một lĩnh vực cụ thể. Tình trạng này khiến việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ gặp khó khăn cả về mặt kinh tế (hiệu quả thấp, thậm chí không kịp thu hồi vốn) lẫn tổ chức (khó có thể đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật- công nghệ, đào tạo, sử dụng và phát triển đội ngũ nhân lực có quy mô, trình độ và cơ cấu thích hợp, ...)

Trong giai đoạn tới, sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức rất quan trọng, đặc biệt là những thách thức bắt nguồn từ quá trình hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa đang có ảnh hưởng ngày càng sâu rộng tới nền kinh tế Việt Nam cũng như từ cuộc cách mạng khoa học- công nghệ.

Một trong những giải pháp mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam cần triển khai thực hiện để khắc phục những nhược điểm, vượt qua những thách thức đối, đảm bảo sự phát triển bền vững của chúng là nhanh chóng ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ nội tại để liên tục cải thiện năng lực cạnh tranh của mình ngay trên thị trường trong nước và rộng hơn, trên thị trường quốc tế.

Cũng như đối với các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp nước ngoài khác, ba hướng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam là:

- Cải tiến và đổi mới công nghệ.
- Hoàn thiện và đổi mới sản phẩm, dịch vụ.
- Nâng cao trình độ toàn diện cho người lao động trong hệ thống kinh doanh của mỗi doanh nghiệp cũng như của các doanh nghiệp Việt Nam.

Ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ không bao giờ là mục đích tự thân, mà phải phục vụ các mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn của các chủ thể liên quan. Việc ứng dụng, chuyển giao một tiến bộ công nghệ liên quan, ảnh hưởng tới lợi ích của nhiều chủ thể khác nhau, trong đó, những lợi ích này có thể bị tác

<sup>7</sup> Nhật Minh (2019), *Cạnh tranh nhờ khoa học và công nghệ*. <https://nhandan.com.vn/khoahoc-congnghe/khoa-hoc/item/39594702-canhh-tranh-nho-khoa-hoc-va-cong-nghe.html>.

<sup>8</sup> Nhật Minh (2019), tài liệu đã dẫn.

động theo những chiều hướng, ở những mức độ khác nhau. Tại từng thời điểm cụ thể, mục tiêu, điều kiện của từng doanh nghiệp cũng khác nhau. Do đó, những biện pháp cụ thể mà mỗi doanh nghiệp thực hiện cũng sẽ khác nhau. Tuy nhiên, việc ứng dụng tiến bộ công nghệ trong mỗi doanh nghiệp chỉ có thể được thực hiện một cách bền vững và có hiệu quả khi các mục tiêu được xác định một cách rõ ràng, cụ thể, khả thi và có sự đồng thuận giữa các chủ thể liên quan và sau đó, mỗi chủ thể có những chương trình hành động được phối hợp tốt với nhau. Trong việc đảm bảo những yêu cầu này, việc xác định các mục tiêu là trách nhiệm của từng chủ thể liên quan, còn Nhà nước đóng vai trò điều tiết để đảm bảo cho các chủ thể liên quan có được sự đồng thuận về các mục tiêu này. Đây là điều cần thiết vì thực ra, các mục tiêu đều nhằm đảm bảo những lợi ích cụ thể của từng chủ thể mà trong nhiều trường hợp, không ít những mục tiêu như vậy là mâu thuẫn, thậm chí trái ngược nhau.

Để có thể đẩy nhanh quá trình nâng cao năng lực công nghệ nhằm cải thiện năng lực và vị thế cạnh tranh của mình trên thị trường, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam cần triển khai một số giải pháp sau đây:

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa và sự cần thiết, về khả năng ứng dụng tiến bộ công nghệ trong việc giải quyết các khó khăn, thách thức của doanh nghiệp và lợi ích từ việc ứng dụng tiến bộ công nghệ trong sản xuất kinh doanh. Về thực chất, đây chính là việc nâng cao nhận thức để chuyển đổi từ triết lý kinh doanh “ăn xổi” có tính tạm thời, ngắn hạn sang kinh doanh một cách bền vững, có định hướng phát triển dài hạn, có tổ chức và đầu tư một cách hệ thống, bài bản. Chỉ khi kinh doanh nghiêm túc một cách bền vững, các doanh nghiệp mới chú ý và thực sự nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh và lúc đó mới tổ chức kinh doanh một cách có hệ thống và đầu tư để chủ động ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ vào hệ thống kinh doanh của mình.

- Nhận dạng rõ bối cảnh, điều kiện kinh doanh của mình, từ đó định vị rõ được vị thế của mình trong chuỗi giá trị và xây dựng, lựa chọn được định hướng, mục tiêu và chiến lược

phát triển của mình. Nhiệm vụ này đã được nói tới trên nhiều diễn đàn, ở nhiều mức độ, dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng vẫn chưa được nhận thức đầy đủ và vẫn chưa được thực hiện một cách thực sự nghiêm túc. Với nhiều doanh nghiệp đã nhận thức được ý nghĩa của việc này và đã có những bước triển khai thì chiến lược lại thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn, chưa được điều chỉnh kịp thời.

- Ổn định và tích cực mở rộng thị trường, đẩy mạnh chuyên môn hóa, tích cực tham gia các chuỗi gia công- chế biến toàn cầu. Giải pháp này một mặt giúp nâng cao tương đối quy mô của doanh nghiệp (tạo ra sản lượng hợp lý để doanh nghiệp có thể thu hồi vốn đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ trong một khoảng thời gian hợp lý), vừa để doanh nghiệp chịu “sức ép”, “lực đẩy” từ phía đối tác buộc phải đầu tư, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ để có thể đáp ứng được yêu cầu của họ. Quan hệ với các đối tác trong chuỗi còn giúp doanh nghiệp có thêm nguồn cung cấp kinh nghiệm (thậm chí cả những hình thức hỗ trợ khác, đặc biệt là hỗ trợ về tổ chức- quản lý, về nhân sự và cả tài chính) tổ chức, quản lý và thực hiện các hoạt động liên quan tới ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ (tìm kiếm, đánh giá, khai thác thông tin về công nghệ, đánh giá và lựa chọn công nghệ, đàm phán, ký kết hợp đồng, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, kiểm định công nghệ, thích ứng hóa/ cải tiến và hoàn thiện, khai thác công nghệ sau chuyển giao, ...). Đây là biện pháp có tầm quan trọng hàng đầu, sau việc nâng cao nhận thức, bởi suy cho cùng, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ chỉ là biện pháp nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho thị trường; một khi không tìm kiếm được thị trường thì ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ để có sản phẩm/ dịch vụ mới, tăng sản lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm/ dịch vụ chỉ là vô ích.

- Tích cực tham gia thị trường tiến bộ khoa học- công nghệ, đặc biệt là thiết lập các quan hệ chặt chẽ với các cơ sở nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học- công nghệ. Xây dựng năng lực khoa học- công nghệ nội bộ, tự nghiên cứu, thiết kế hoặc cải tiến, thích ứng hóa công nghệ mà mình cần đến đương nhiên là quan trọng,



nhưng doanh nghiệp cần nhiều công nghệ, tự mình không thể đảm bảo “tự cung cấp” đầy đủ được. Hơn nữa, hiệu quả của việc tự nghiên cứu, thiết kế, tự chế tạo sẽ thấp hơn nhiều so với việc mua công nghệ từ các nguồn cung cấp chuyên nghiệp. Ngoài ra, cần kể tới cả yếu tố thời gian: các cơ sở nghiên cứu, thiết kế và chuyên gia công nghệ chuyên nghiệp có thể đưa ra và chuyên giao những giải pháp công nghệ trong thời gian ngắn hơn rất nhiều so với việc tự nghiên cứu, đặc biệt là khi việc tự nghiên cứu lại được thực hiện bởi các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nơi mà năng lực nội tại chỉ có hạn. Tuy nhiên, lợi thế về mặt thời gian và chất lượng cũng như bổ sung năng lực như nêu trên chỉ trở thành hiện thực nếu doanh nghiệp có am hiểu cần thiết về thị trường tiến bộ khoa học- công nghệ, có hoặc biết tìm và tìm được những đối tác thực sự có năng lực và thái độ nghiêm túc, trung thực trong các hoạt động chuyên giao công nghệ để xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài và bền vững với họ.

Để làm việc này, doanh nghiệp cần xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường tiến bộ khoa học- công nghệ, đặc biệt là cho những tiến bộ kỹ thuật- công nghệ mà mình sử dụng (hoặc sẽ sử dụng), có những tiếp xúc định kỳ với một số đối tác quan trọng, xây dựng quan hệ tin cậy đối với một số cơ quan, tổ chức có thông tin phong phú về tiến bộ khoa học- công nghệ, có năng lực cần thiết trong việc thẩm định, đánh giá và tổ chức chuyên giao công nghệ trên những lĩnh vực mà mình quan tâm.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đây là yêu cầu đương nhiên cần thực hiện bởi bất kỳ công nghệ nào cũng cần được thích ứng hóa với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp trong suốt quá trình từ khi tiếp nhận, và sau đó, cần được khai thác và bảo trì bởi những nhân lực có năng lực, có nhận thức và thái độ, hành vi thích hợp. Khác với trường hợp các doanh nghiệp lớn, nhân sự của các doanh nghiệp nhỏ và vừa có mức độ luân chuyển cao, do đó nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng cũng lớn hơn. Tuy nhiên, đây lại là khoản chi phí khá tốn kém và là khoản mục thường bị các chủ doanh nghiệp ưu tiên cắt bỏ do chúng không đem lại những lợi ích “dễ nhìn thấy được”. Để thực hiện giải pháp này,

các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần tiếp cận từ 3 hướng: 1) tuyển dụng những nhân sự có năng lực thích hợp ngay từ đầu (với điều kiện làm việc và thù lao tương ứng), 2) tổ chức các chương trình đào tạo/ tự đào tạo cho nhân viên theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn, và 3) duy trì đội ngũ nhân sự ổn định, đặc biệt là đội ngũ nhân viên kỹ thuật (và các nhóm nhân sự chủ chốt khác).

Bên cạnh nỗ lực của các doanh nghiệp, Nhà nước cần có những định hướng và biện pháp thiết thực để thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ và nâng cao năng lực công nghệ của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây không chỉ là những biện pháp nhằm thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, mà còn nhằm nâng cao năng lực công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia. Một số giải pháp cần được triển khai trong những năm tới là:

- Thực hiện nhất quán chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có triển khai các chương trình hỗ trợ có trọng điểm cho một số ngành hàng chọn lọc để chúng có thể hội nhập có hiệu quả và bền vững vào thị trường thế giới. Hiện đang có khá nhiều chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nói chung, cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng, được tổ chức và quản lý bởi những cơ quan, tổ chức khác nhau với những mục tiêu theo những phương thức khác nhau, theo những cách tiếp cận khác nhau. Chính vì sự triển khai và quản lý các chương trình một cách phân tán khiến các nguồn lực bị phân tán, đầu tư dàn trải không đi đến kết quả cuối cùng và làm các chủ thể được hỗ trợ không tha thiết tiếp nhận và sử dụng các khoản hỗ trợ một cách hiệu quả. Do đó, các nguồn hỗ trợ cần được quản lý một cách tập trung, tốt nhất là định hướng theo các chủ thể tiếp nhận hỗ trợ và lấy các tiêu chí xét chọn dự án/ hoạt động được tài trợ là hiệu quả cuối cùng và các tiêu chí được cụ thể hóa từ các mục tiêu cụ thể của chương trình hỗ trợ.

- Đẩy mạnh công tác thông tin về tiến bộ khoa học- công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ. Mục đích của giải pháp này không phải là tạo ra một hệ thống thông tin về tiến bộ khoa học- công nghệ và các vấn đề liên

quan tới công dụng, hiệu quả, quá trình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ, mà là tạo ra, cập nhật hóa một cách thường xuyên và chuyên tài những thông tin như thế tới các chủ thể có nhu cầu sử dụng. Hệ thống này cũng cần được tổ chức sao cho các doanh nghiệp cũng như các chủ thể liên quan có thể tiếp cận một cách dễ dàng khi có nhu cầu. Muốn vậy, bên cạnh việc tạo lập hệ thống thông tin về công nghệ và ứng dụng công nghệ, cần thiết lập nhiều kênh chuyên tải thông tin sao cho các yêu cầu về tính chính xác, tính kịp thời, khả năng kiểm tra chéo, khả năng so sánh, đối chiếu thông tin, ... được đảm bảo một cách chặt chẽ.

- Hoàn thiện cơ chế hoạt động, nâng cao hiệu quả và tác động của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là các chương trình/ nhánh chương trình hỗ trợ ứng dụng tiến bộ công nghệ và đổi mới công nghệ. Hiện Nhà nước đã xây dựng và thực hiện khá nhiều các chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp để họ đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ để nâng cao năng lực của họ, góp phần nâng cao năng lực công nghệ quốc gia. Tuy nhiên, hiệu quả và tác động của những hỗ trợ này còn khiêm tốn, nhiều quỹ hỗ trợ chưa được khai thác tốt. Trong thời gian tới, các chương trình hỗ trợ nên được đẩy mạnh theo hướng tạo môi trường thuận lợi tối đa cho các hoạt động sáng tạo, bảo vệ có hiệu quả quyền tác giả và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, các hoạt động hỗ trợ nên hướng chủ yếu vào việc củng cố và phát triển cầu về tiến bộ khoa học- công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ. Những hoạt động hỗ trợ cũng cần chú trọng nhiều hơn tới tác dụng và hiệu ứng lan tỏa thực sự của các dự án nghiên cứu, phát triển và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật- công nghệ.

- Nâng cao hiệu quả của công tác quản lý thị trường, xử lý nghiêm, đúng mức độ để khắc phục tối đa tình trạng kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, sản phẩm và quy trình sản xuất không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng. Đây là loại hoạt động chỉ có các cơ quan quản lý nhà nước mới có thể thực hiện được nhưng cũng là loại hoạt động bị chi phối bởi nhiều lợi ích và quan điểm khác nhau. Thực tế phát triển ở Việt Nam vừa qua cho thấy những hoạt động trên mà thực hiện kém hiệu quả, không nhất quán, không liên tục và xử lý các vi phạm không thích đáng thì điều kiện để ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ một cách hiệu quả và bền vững không được đảm bảo, động lực để tiến hành ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ sẽ bị triệt tiêu. Hơn thế nữa, việc này còn làm lợi ích cộng đồng bị xâm hại, ảnh hưởng xấu tới sự phát triển bền vững của nền kinh tế và toàn xã hội.

- Hoàn thiện môi trường kinh doanh/ môi trường hoạt động của các tổ chức nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và hỗ trợ chuyển giao, đổi mới và cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng lực khoa học- công nghệ của quốc gia. Trước hết, cần tổ chức đánh giá một cách hệ thống các chính sách phát triển kinh tế- xã hội, sau đó, cần rà soát hệ thống và toàn diện các quy định liên quan tới toàn bộ chuỗi hoạt động từ nghiên cứu- phát triển, thích ứng hóa, chuyển giao công nghệ, khai thác- sử dụng công nghệ, ... cho tới thay thế, thải loại công nghệ nói chung cũng như trong các doanh nghiệp nói chung. Bởi việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật- công nghệ, đổi mới công nghệ thường có rủi ro cao hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh đã ổn định nên cần triển khai thêm các biện pháp hạn chế hoặc ngăn ngừa, khắc phục hậu quả của những rủi ro này nếu chúng xảy ra.

### Tài liệu tham khảo

- 1- Vũ Khuê (2019), *Vi sao doanh nghiệp Việt khó tham gia chuỗi giá trị toàn cầu?* <http://vneconomy.vn/vi-sao-doanh-nghiep-viet-kho-tham-gia-chuoi-gia-tri-toan-cau-2019042321294334.htm>
- 2- Trần Thùy Linh, Nguyễn Thị Thanh Hoa (2019), *Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam*. Tạp chí Công thương 6/ 2019. <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nang-cao-nang-luc-doi-moi-sang-tao-cua-doanh-nghiep-viet-nam-63529.htm>

- 3- Anh Minh (2019), *Số doanh nghiệp lập mới đạt kỷ lục trong 9 tháng 2019*. <http://baochinhphu.vn/Doanh-nghiep/So-doanh-nghiep-lap-moi-dat-ky-luc-trong-9-thang-2019/376273.vgp>
  - 4- Trần Thị Hồng Minh (2018), Phân tích các nguyên nhân các doanh nghiệp rời thị trường trong 10 tháng đầu năm 2018 và một số giải pháp. Xem <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/597/4847/phan-tich-cac-nguyen-nhan-cac-doanh-nghiep-roi-thi-truong--trong-10-thang-dau-nam-2018-va-mot-so-giai-phap.aspx>
  - 5- Nhật Minh (2019), *Cạnh tranh nhờ khoa học và công nghệ*. Xem: <https://nhandan.com.vn/khoahoc-congngh/khoa-hoc/item/39594702-canhh-tranh-nho-khoa-hoc-va-cong-nghe.html>.
  - 6- Tổng cục Thống kê, *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội Việt Nam* các năm 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2019
  - 7- Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê* các năm 2005, 2010, 2015, 2017.
  - 8- Tổng cục Thống kê (2019), *Thông cáo báo chí Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2019*. <https://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19273>
- VCCI (2016), *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam năm 2015*. NXB Thông tin và truyền thông